

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/HS-ST
Ngày 31/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Phú và bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 2 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa đối với các bị cáo:

1. **Lê Minh C**, sinh năm 1997 tại Hải Dương; nơi đăng ký thường trú: thôn H, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương; nơi ở: thôn Y, phường Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị H; có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tại Quyết định số 40/QĐ-XPHC ngày 18/02/2019, Công an huyện Gia Lộc xử phạt vi phạm hành chính đối với C bằng hình thức phạt tiền 2.250.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác; bị tạm giữ từ ngày 06/10/2023, chuyển tạm giam từ ngày 12/10/2023 đến nay tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. **Hoàng Văn T**, sinh năm 2002 tại Sơn La; nơi cư trú: bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Hoàng Văn U và bà Hoàng Thị U; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 06/10/2023, chuyển tạm giam từ ngày 12/10/2023 đến nay tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương; có mặt.

3. **Hoàng Văn K**, sinh ngày 02/4/2006 tại Sơn La; nơi cư trú: bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông: Hoàng Văn H và bà Lèo Thị L; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 07/10/2023, chuyển tạm giam từ ngày 13/10/2023 đến nay tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo T và K: Ông Nguyễn Duy H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương, có mặt.

Bị hại:

1. Chị Quàng Thị V, sinh năm 2005. Địa chỉ: Bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

2. Cháu Quàng Thị H, sinh năm 2007;

Người đại diện hợp pháp của cháu H: Anh Quàng Văn D (cha cháu H), sinh năm 1988.

Đều cư trú: Bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; đều vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu H: Bà Nguyễn Thị U - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phan Văn C1, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Tụ Nh; chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Văn T; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh C và vợ là chị Vũ Thị L, sinh năm 1997, trú tại thôn H, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương chuyển đến Quảng Ninh sinh sống và được ông Nguyễn Tụ Nh, sinh năm 1943, trú tại thôn Y, phường Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh cho ở nhờ. Khoảng cuối tháng 7/2023, C rủ bạn là Hoàng Văn T sau đó T rủ em họ là Hoàng Văn K cùng đến ở với C để tìm việc làm. Thời gian này, C vào mạng xã hội Facebook (viết tắt: Fb) thấy bài của 01 tài khoản ẩn danh do người thanh niên tên H (*chưa xác định được tuổi, địa chỉ*) đăng trong nhóm “Tìm việc nhanh 24h” với nội dung cần tuyển nhân viên nữ phục vụ quán karaoke, có thể nhận trả nợ giúp nhân viên từ 10 - 15 triệu/người. C nảy sinh ý định làm quen, dụ dỗ, lừa các cô gái trên mạng xã hội chuyển cho H để nhận tiền. Sau đó, C nhắn tin trao đổi, thỏa thuận với H (*qua ứng dụng Zalo, C không nhớ số điện thoại*) nếu tìm được người sẽ chuyển giao cho H làm nhân viên, H đồng ý. Sau đó, C rủ T và K sử dụng thông tin và tài khoản Fb giả danh vào

mạng xã hội Fb để tìm, làm quen, dụ dỗ những cô gái đưa về để C chuyển bán cho người khác lấy tiền chia nhau, K và T đồng ý. C sử dụng tài khoản Fb "Ang T" giới thiệu tên là T, T sử dụng tài khoản Fb "Khổng'n Tuấn'n Anh'n" giới thiệu tên là T, K sử dụng tài khoản Fb "Hoàng Quốc T", giới thiệu tên là T khi làm quen, kết bạn với những cô gái trên mạng xã hội Fb.

Khoảng đầu tháng 8/2023, qua mạng Fb, C làm quen với chị Quảng Thị V và biết chị V đang làm nhân viên phục vụ các quán karaoke ở địa bàn Hà Nội, C nảy sinh ý định dụ dỗ chị V rồi lừa, ép chuyển bán cho H để nhận tiền. C giới thiệu với chị V mình tên là Nguyễn Đức T nhà ở huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau vài ngày nhắn tin trò chuyện, C giả vờ ngỏ lời yêu chị V và rủ chị V về Hải Dương để gặp mặt. Tin C nói là thật, chị V đồng ý và hẹn ngày 13/8/2023 sẽ về Hải Dương, C bảo chị V đi taxi đến ga P, huyện K, tỉnh Hải Dương, C sẽ đón và trả hộ tiền taxi. Sau đó, chị V rủ thêm em họ là cháu Quảng Thị H đi cùng.

Khoảng 06h30' ngày 13/8/2023, khi biết chị V đã đến ga P, huyện K, tỉnh Hải Dương, C rủ và điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius, biển số 34S1-243.62 chở K cùng đi đón chị V. Trên đường đi, C kể với K về việc đã dụ dỗ, đưa được chị V về ga P để chuyển bán cho người khác. C dặn K khi gặp chị V không được xưng tên thật của mình mà phải gọi C là T, K đồng ý và nói sẽ xưng tên là T. Khi đến khu vực ga P thì C gặp chị V đi cùng cháu H nên nảy sinh ý định sẽ lừa bán cả 02 người. C trả tiền taxi rồi điều khiển xe mô tô chở chị V, cháu H và K ngồi sau về nhà ông Nh. Trên đường đi, C và K hỏi và được biết chị V sinh năm 2005, cháu H sinh năm 2007.

Khi về đến nhà ông Nh, C giới thiệu với ông Nh là chị V và cháu H là bạn của mình đến chơi. Khi thấy chị V và cháu H, T biết C đưa chị V và cháu H về để lừa bán cho người khác. Để tránh chị V và cháu H liên lạc với người khác và thuận lợi cho việc bán chị V và cháu H, C bảo T nói dối mua điện thoại mới cho chị V và cháu H và bảo chị V, cháu H đưa điện thoại đang dùng cho C quản lý. Tin tưởng là thật nên chị V, cháu H tự nguyện đưa điện thoại của mình cho C. Sau đó, C tháo sim, xóa toàn bộ dữ liệu trên điện thoại của chị V, mục đích để xóa hết dữ liệu liên hệ giữa C và chị V. Sau đó, C đi ra ngoài dặn T và K quản lý chị V và cháu H không để họ bỏ trốn để chờ bán chị V và cháu H, T và K đồng ý.

Đến trưa ngày 13/8/2023, C mua cho chị V và cháu H mỗi người 01 bộ quần áo mới và yêu cầu mặc vào để C chụp ảnh gửi cho H xem trước nhưng chị V và cháu H không mặc. C cầm con dao gọt trái cây trên bàn chỉ về phía chị V và cháu H dọa "tao nói chúng mày không nghe à" làm chị V và cháu H sợ hãi phải đi thay quần áo để C chụp ảnh. Sau đó, C yêu cầu chị V và cháu H khi nói chuyện với người được C cho gặp thì chị V phải nhận là sinh năm 2003 đang nợ C 17.000.000 đồng; cháu H phải nhận là sinh năm 2004 và đang nợ C 16.000.000 đồng, nhận làm nhân viên karaoke full công việc (*làm tất cả các việc*). Mục đích của C là để người nhận tuyển chị V và cháu H về làm nhân viên phải trả số tiền 33.000.000 đồng là giá C giao bán chị V và cháu H. Sau đó, C

gửi ảnh và gọi điện thoại video cho H, bảo chị V và cháu H nói chuyện với H nội dung như C đã yêu cầu thì H đồng ý và hẹn C đêm sẽ đón chị V và cháu H. C báo địa chỉ gặp H tại khu vực đường Hoa Hồng thuộc xã G, thành phố Hải Dương.

Sau khi thoả thuận với C xong thì H liên hệ với anh Phan Văn C1 là chủ quán karaoke Thìn, nói có 02 nhân viên nữ đang ở Hải Dương, nợ chủ cũ tổng 33.000.000 đồng, nếu anh C1 muốn tuyển về làm nhân viên thì phải trả hộ tiền họ đang nợ chủ, anh C1 đồng ý. H hẹn anh C1 đến đêm đón H đi xem mặt và thoả thuận. Khoảng 23h ngày 13/8/2023, anh C1 thuê anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981, trú tại thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc là lái xe taxi, điều khiển xe ô tô Honda CRV màu trắng, biển số 88A-264.12 chở anh C1 đến ngã tư Me thuộc địa phận huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đón H và bạn gái H (*chưa rõ tên tuổi, địa chỉ*) cùng đến Hải Dương gặp C.

Do nhà ông Nh chật và không muốn mọi người xung quanh để ý việc đi lại vào ban đêm của mình nên C bảo T và K đưa chị V và cháu H ra nhà nghỉ gần đó (*không rõ tên nhà nghỉ, địa chỉ*) thuê phòng và quản lý không để chị V, cháu H bỏ trốn. Khoảng 02 giờ ngày 14/8/2023, C lấy điện thoại của chị V, cháu H (*do C đang quản lý*) cho vào túi quần áo của chị V và cháu H đang để tại nhà C rồi mang theo 02 túi quần áo thuê taxi (*không rõ hãng xe, người lái xe*) đến nhà nghỉ. Sau đó, C yêu cầu chị V và cháu H lên taxi ngồi cùng C, còn T chở K đi bằng xe mô tô của C theo sau. Khi đến địa phận thị xã K, tỉnh Hải Dương, C bảo K lên xe taxi ngồi cùng chị V và cháu H, còn C sang điều khiển xe mô tô chở T đi phía trước dẫn đường. Đến khoảng 03h30' cùng ngày, nhóm của C đưa chị V, cháu H đến khu vực Chợ Cá thuộc phường T, thành phố Hải Dương thì C yêu cầu chị V và cháu H sang ngồi sau xe mô tô để C chở cùng T đi giao cho H, còn K ở lại xe taxi chờ. Khi C chở chị V, cháu H và T đến khu vực gần kho dự trữ lương thực thuộc xã G, thành phố Hải Dương thì thấy H cùng bạn gái và anh C1 từ xe ô tô của anh T đi bộ xuống. C bảo chị V và cháu H cầm theo túi quần áo của mình đi bộ theo C đến gặp nhóm của H, còn K, T ngồi trên xe ô tô và mô tô chờ. Anh C1 hỏi thông tin của chị V và cháu H, do bị C đe dọa và yêu cầu từ trước nên chị V tự trả lời sinh năm 2003, đang nợ C 17.000.000 đồng, cháu H tự trả lời sinh năm 2004, đang nợ C 16.000.000 đồng và muốn anh C1 cho vay tiền để trả nợ cho C, sau đó về làm nhân viên quán karaoke của anh C1 sẽ trả nợ dần bằng tiền công phục vụ tại quán. Tin tưởng các thông tin chị V và cháu H tự nói là thật nên anh C1 đồng ý và đưa 33.000.000 đồng cho H để H đưa cho C. C trích 7.000.000 đồng đưa lại cho H là tiền hoa hồng môi giới, C cầm 26.000.000 đồng cùng T, K quay về nhà ông Nh ngủ. Đến chiều cùng ngày, C chia cho T 3.000.000 đồng, dẫn K đi mua quần áo mới hết 500.000 đồng, trừ đi khoảng gần 2.000.000 đồng C đã cho K mượn trước đó và hứa sẽ cho K thêm tiền sau. K ở lại cùng C và T thêm khoảng 01 tuần thì bỏ về nhà, số tiền còn lại C đã chi tiêu cá nhân hết.

Trên đường về quán karaoke của anh C1, chị V và cháu H thấy điện thoại của mình để trong túi quần áo đã hết pin nên nhờ anh C1 sạc pin trên xe ô tô. Khi đến ngã tư Me thuộc huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc thì H và bạn gái xuống xe. Anh T tiếp tục chở anh C1, chị V và cháu H về quán karaoke Thìn thì xuống xe, chị V và cháu H để quên điện thoại trên xe của anh T. C phổ biến công việc cho chị V và cháu H khi phục vụ khách đến hát karaoke là rót bia, chọn bài hát, hát với khách, tuyệt đối không được sử dụng ma túy và bán dâm cho khách, chị V và cháu H đồng ý và tự nguyện ở lại làm việc tại quán karaoke Thìn. Đến ngày 16/8/2023 anh C1 lấy điện thoại để quên trên xe ô tô của anh T đưa lại cho chị V và cháu H. Do không muốn làm ở quán karaoke của anh C1 để trả khoản nợ không do C dọa phải nhận, nên chị V và cháu H nói thật với anh C1 về năm sinh và sự việc bị C lừa, ép bán cho anh C1. Anh C1 không yêu cầu chị V và cháu H phải trả số tiền 33.000.000 đồng và bảo chị V, cháu H liên hệ người nhà đến đón về. Đến ngày 22/8/2023, anh C1 thuê taxi chở chị V và cháu H đến chân cầu V thuộc huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc để người thân đến đón. Ngày 22/08/2023, chị V, cháu H, anh Quảng Văn L (*chú của cháu H*) và ông Mòng Văn S (*bố của chị V*) có đơn trình báo Công an tỉnh Hải Dương. Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát camera an ninh tại Trạm thu phí BOT Quốc lộ 17B (*nơi nhóm của C chở chị V, cháu H đi qua*), thu giữ hình ảnh các đối tượng cùng xe mô tô có liên quan. Qua rà soát xác định đối tượng trong hình ảnh có đặc điểm giống với Lê Minh C nên ngày 03/10/2023 Cơ quan điều tra đã đến nhà ông Nh triệu tập C, T lên làm việc, thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xanh - bạc - đen, không đeo biển số và 01 giấy chứng nhận đăng ký biển số 34S1-243.xx. Ngày 07/10/2023 Hoàng Văn K đầu thú tại Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Hải Dương.

Tại Cáo trạng số 43/CT-VKSTPHD ngày 26/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Lê Minh C, Hoàng Văn T, Hoàng Văn K về tội Mua bán người và tội Mua bán người dưới 16 tuổi, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 150 và điểm a khoản 1 Điều 151 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 150, điểm a khoản 1 Điều 151, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo C, T và K; áp dụng điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo C; khoản 2 điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo K. Tuyên bố các bị cáo Lê Minh C, Hoàng Văn T, Hoàng Văn K phạm tội Mua bán người và tội Mua bán người dưới 16 tuổi. Xử phạt bị cáo Lê Minh C từ 5 năm 9 tháng đến 6 năm 3 tù về tội Mua bán người, từ 8 năm đến 8 năm 6 tháng tù về tội Mua bán người dưới 16 tuổi, tổng hợp hình phạt của cả hai

tội là từ 13 năm 9 tháng đến 14 năm 9 tháng tù. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù về tội Mua bán người, từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù về tội Mua bán người dưới 16 tuổi, tổng hợp hình phạt của cả hai tội là từ 13 năm đến 14 năm tù. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn K từ 3 năm 9 tháng đến 4 năm tù về tội Mua bán người; từ 5 năm 3 tháng đến 5 năm 6 tháng tù về tội Mua bán người dưới 16 tuổi, tổng hợp hình phạt của cả hai tội là từ 9 năm đến 9 năm 6 tháng tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất về các biện pháp tư, án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo khai nhận hành vi như đã nêu trên và đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo T và K nhất trí về tội danh và điều luật như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xử mức án nhẹ nhất cho các bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo mức án cao nhất mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp lời khai của các bị hại, những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nội dung biên bản rà soát camera, các biên bản nhận dạng, các biên bản xác định vị trí và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ đầu tháng 8/2023 đến ngày 14/8/2023, Lê Minh C, Hoàng Văn T và Hoàng Văn K đã có sự thống nhất, sau đó dụ dỗ, đe dọa chị Quàng Thị V, sinh ngày 16/6/2005 và cháu Quàng Thị H, sinh ngày 30/8/2007, cùng trú tại bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên để chị V, cháu H nói dối anh Phan Văn C1 là đều trên 18 tuổi và còn nợ C 33.000.000 đồng. Các bị cáo đã chuyển giao chị V, cháu H cho anh C1 và nhận của anh C1 33.000.000 đồng. Bị cáo C, T và K đã chia nhau tiền và chi tiêu cá nhân hết.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền tự do, danh dự, nhân phẩm của công dân. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi mua bán người là trái pháp luật, trái đạo đức xã hội và trái với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam nhưng vẫn cố ý thực hiện vì tư lợi. Tại thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội

chị Quảng Thị V đã trên 18 tuổi, cháu Quảng Thị H chưa đủ 16 tuổi nên hành của của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán người và Mua bán người dưới 16 tuổi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 150 và điểm a khoản 1 Điều 151 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ.

[4] Đây là vụ đồng phạm, trong đó bị cáo Lê Minh C là người trực tiếp trao đổi, thỏa thuận với đối tượng tên H rồi rủ rê, xúi giục và chỉ đạo các bị cáo T, K thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo C giữ vị trí, vai trò thứ nhất; các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn Kiêm thực hiện hành vi phạm tội theo sự chỉ đạo của bị cáo C nên giữ vai trò thứ hai.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Minh C là người đề xuất, rủ rê, lôi kéo các bị cáo T, K thực hiện hành vi phạm tội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Hoàng Văn K chưa đủ 18 tuổi nên bị cáo Lê Minh C phải chịu tình tiết tăng nặng Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại điểm o khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn K không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hoàng Văn K sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đầu thú, bị cáo có ông bà Ngoại là người có công với nhà nước được tặng thưởng Huân, Huy chương nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về nhân thân: Bị cáo Lê Minh C đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Hoàng Văn K, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Các bị cáo phạm nhiều tội, Tòa án tổng hợp hình phạt theo quy định.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo C, T bị xử phạt tù, không có công việc ổn định; bị cáo K khi phạm tội dưới 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu buộc các bị cáo trả lại số tiền 33.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về các biện pháp tư pháp và vật chứng: Khi chuyển giao bị hại, bị cáo Lê Minh C nhận số tiền 33.000.000 đồng của C. Bị cáo C đưa cho T

3.000.000đồng, dẫn K đi mua quần áo hết 500.000đồng. Đây là tiền do phạm tội mà có cần tịch thu của các bị cáo sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xanh - bạc - đen, không đeo biển số, số máy: E32VE785168, số khung: RLCUE3740PY196753; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 34000181, biển số đăng ký 34S1-243.xx được sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu cho phát mai sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với chiếc điện thoại C và anh C1 sử dụng để liên lạc với H không thu giữ được nên không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; đối với bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn K là đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Quá trình điều tra, không có căn cứ xác định anh Phan Văn C1 tiếp nhận chị V và cháu H về để bóc lột tình dục hoặc cưỡng bức lao động; Đối với việc anh Phan Văn C1 nhận cháu H làm nhân viên phục vụ tại quán Karaoke khi cháu H chưa đủ 18 tuổi. Do cháu H cố ý che giấu năm sinh của mình; anh C1 không biết cháu H là người dưới 18 tuổi, sau khi biết cháu H dưới 18 tuổi, anh C1 đã bảo cháu H liên hệ người nhà đến đón về nên không có căn cứ xử lý anh C1 về hành vi sử dụng lao động dưới 18 tuổi. Đối với ông Nguyễn Tự Nh, chị Vũ Thị L không biết việc C bán chị V, cháu H cho người khác nên không có căn cứ xử lý. Đối với đối tượng tên H, chưa làm rõ được nhân thân, lý lịch Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh để xử lý theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 150 và điểm a khoản 1 Điều 151, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, khoản 1 Điều 38, điểm a và b khoản 1 Điều 47, điểm a khoản 1 Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình; điểm a và b khoản 1 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đối với các bị cáo Lê Minh C, Hoàng Văn T, Hoàng Văn K.

Căn cứ điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Minh C;

Căn cứ khoản 2 điều 51; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn K;

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Minh C; Hoàng Văn T và Hoàng Văn K phạm tội Mua bán người và tội Mua bán người dưới 16 tuổi.

2. Xử phạt bị cáo Lê Minh C 05 năm 09 tháng tù về tội Mua bán người; 08 năm tù về tội Mua bán người dưới 16 tuổi; tổng hợp hình phạt của cả hai tội

là 13 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 06/10/2023.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 05 năm 03 tháng tù về tội Mua bán người; 07 năm 06 tháng tù về tội Mua bán người dưới 16 tuổi; tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 12 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 06/10/2023.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn K 03 năm 09 tháng tù về tội Mua bán người; 05 năm 03 tháng tù về tội Mua bán người dưới 16 tuổi; tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 09 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 07/10/2023.

3. Về các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu của bị cáo Lê Minh C số tiền 29.500.000 đồng sung quỹ nhà nước.
- Tịch thu của bị cáo Hoàng Văn T số tiền 3.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.
- Tịch thu của bị cáo Hoàng Văn K số tiền 500.000 đồng sung quỹ nhà nước.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 1 mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius không đeo biển số; kèm 1 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 34000181 (có đặc điểm theo như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/3/2024 giữa Công an TP Hải Dương với Chi cục THA dân sự TP Hải Dương).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Minh C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Hoàng Văn T; Hoàng Văn K.

Các bị cáo, bị hại và người đại diện có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt tại phiên tòa. Đối với người vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THAHS - CA TP. Hải Dương;
- CA TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại;
- Lưu: VP, HS vụ án.